

Bản án số: 75/2024/HS-PT
Ngày 19 - 12 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Thủy;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Mạnh Hùng và ông Trần Công Đoàn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Huy Anh và ông Trần Nhật Trung - Thư ký
Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Bà
Nguyễn Thị Hợp - Kiểm sát viên.

Từ ngày 16 đến ngày 19 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hà Nam xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 81/2024/TLPT-HS ngày 07 tháng 10 năm 2024 đối với bị cáo Phạm Văn Đ và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2024/HS-ST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Phạm Văn Đ, sinh năm 1985 tại Ninh Bình; nơi cư trú: Số nhà E, ngõ D, phố T, phường B, thành phố N, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị T; có vợ Bùi Thị L và có 02 con, lớn sinh năm 2013, nhỏ sinh năm 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

2. Đoàn Minh Q, sinh năm 1991 tại Nam Định; nơi cư trú: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Huy C và bà Nguyễn Thị T1; có vợ Nguyễn Thị Khánh X và có 03 con, lớn sinh năm 2024, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 24 tháng 8 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

3. Vũ Văn K, sinh năm 1995 tại Nam Định; nơi cư trú: Xóm D, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn B1 và bà Nguyễn Thị T2; có vợ Vũ Thị T3 và có 02 con, lớn sinh năm 2019, nhỏ sinh năm 2021; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 07 tháng 12 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

4. Vũ Đức M, sinh năm 2003 tại Nam Định; nơi cư trú: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Văn H và bà Nguyễn Thị H1; vợ con: Chưa có, tại phiên toà phúc thẩm bị cáo khai có vợ Vũ Thị L1 và 01 con, sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 12 tháng 7 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

5. Nguyễn Đình P, sinh năm 1994 tại Nam Định; nơi cư trú: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T4 và bà Nguyễn Thị V; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 12 tháng 7 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

6. Lưu Văn D, sinh năm 2002 tại Nam Định; nơi cư trú: Xóm T, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lưu Văn T5 và bà Trần Thị N; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 12 tháng 9 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

7. Trần Văn T6, sinh năm 1997 tại Nam Định; nơi cư trú: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn M1 và bà Lưu Thị G; vợ con: Chưa có; tiền án: Ngày 27 tháng 01 năm 2021 bị Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xử phạt 12 tháng cải tạo không giam giữ về tội “Cho vay nặng lãi trong giao dịch dân sự; tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01 tháng 11 năm 2017 bị Công an phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

8. Đoàn Văn H2, sinh năm 1988 tại Nam Định; nơi cư trú: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn

Văn H3 và bà Trần Thị M2; có vợ Trần Thị K1 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 24 tháng 8 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

9. Nguyễn Văn H4, sinh năm 1982 tại Nam Định; nơi cư trú: Xóm A, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn H5 (Đã chết) và bà Dương Thị L2; có vợ Nguyễn Thị L3 và 04 con, lớn nhất sinh năm 2006, nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 19 tháng 5 năm 2023 đến ngày 12 tháng 7 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

10. Hoàng Văn T7, sinh năm 1999 tại Yên Bái; nơi cư trú: Bản Đ, xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn X1 và bà Ngọc Thị S; vợ con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 19 tháng 5 năm 2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

11. Nguyễn Văn G1, sinh năm 1977 tại Nam Định; nơi cư trú: Thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lái xe; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T8 và bà Hà Thị M3; có vợ Nguyễn Thị S1 và 02 con, lớn nhất sinh năm 2002, nhỏ nhất sinh năm 2008; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 10 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 19 tháng 5 năm 2023 đến ngày 06 tháng 11 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

12. Triệu Như T9, sinh năm 1990 tại Yên Bái; nơi cư trú: Thôn L, xã M, huyện V, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Giao; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Triệu Đức L4 và bà Dương Thị S2; có vợ Lý Thị Y và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 17 tháng 5 năm 2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

13. Lê Xuân T10, sinh năm 1995 tại Yên Bái; nơi cư trú: Số nhà B, ngõ B, đường Đ, tổ C, phường T, thị xã N, tỉnh Yên Bái; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân T11 và bà Bùi Thị Y1; có vợ Trần Thị M4 và 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2020; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 16 tháng 7 năm 2014 bị Toà án nhân dân thị xã Nghĩa Lộ xử phạt 05 năm tù về tội “Cướp tài sản”; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 21 tháng 12 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

14. Nguyễn Văn T12, sinh năm 1989 tại Hà Tĩnh; nơi cư trú: Thôn B, xã Y, huyện C, tỉnh Hà Tĩnh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Trung V1 và bà Nguyễn Thị M5 (Đã chết); có vợ Trần Thị A và 03 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 12 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến nay. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh H; có mặt.

15. Ngô Văn T13, sinh năm 1982 tại Nam Định; nơi cư trú: Tổ dân phố T, thị trấn L, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông không xác định và bà Ngô Thị R; có vợ Lương Thị H6 và 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2012; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 15 tháng 6 năm 2023 đến ngày 24 tháng 6 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú đến nay; có mặt.

16. Trần Trung K2, sinh năm 1989 tại Nam Định; nơi cư trú: Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Đại G2 và bà Vũ Thị T14; có vợ Đỗ Thị Kim O và 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 09 tháng 5 năm 2023, chuyển tạm giam từ ngày 18 tháng 5 năm 2023 đến ngày 12 tháng 7 năm 2023 được thay đổi biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh đến nay; có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn Đ gồm:*

+ Bà Phan Thị Kim T15 và ông Nguyễn Văn L5 đều là Luật sư của Văn phòng L13 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ trụ sở: Tầng G, tháp N, đường D, xã Y, quận C, Thành phố Hà Nội; đều có mặt.

+ Ông Đặng Văn C1 và bà Hoàng Thị Hương G3 đều là Luật sư của Văn phòng L14 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ trụ sở: Số F, phố T, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Nguyễn Văn H4, Hoàng Văn T7 và Ngô Văn T13 gồm:*

+ Ông Đặng Văn C1 và bà Hoàng Thị Hương G3 đều là Luật sư của Văn phòng L14 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ trụ sở: Số F, phố T, phường Q, quận Đ, Thành phố Hà Nội; đều có mặt ngày 16/12/2024, ngày 17/12/2024 vắng mặt Luật sư C1 và các Luật sư đều vắng mặt khi tuyên án.

+ Bà Phạm Thị N1, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H.

- *Người bào chữa cho bị cáo Triệu Như T9:* Bà Phạm Thị N1, Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H; có mặt ngày 16/12/2024, vắng mặt các ngày tiếp theo.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn G1:* Ông Nguyễn Việt Đ1, Luật sư của Công ty L15 thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ trụ sở: P, tòa nhà

B, ngõ B, đường X, phường X, quận T, Thành phố Hà Nội; có mặt ngày 16 và 17 tháng 12/2024, vắng mặt khi tuyên án.

- *Người bào chữa cho các bị cáo Vũ Văn K và Trần Văn T6:* Ông Hồ A C2, Luật sư của Công ty L16, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; địa chỉ trụ sở: Số C, ngõ A, phố T, phường Y, quận C, Thành phố Hà Nội; có mặt ngày 16 và 17 tháng 12/2024, vắng mặt khi tuyên án.

- *Những người tham gia tố tụng khác không kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị*

** Bị hại:*

+ Ông Kiều Việt H7, sinh năm 1955; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Bà Đỗ Thị N2, sinh năm 1961; nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Bà Nguyễn Thị G4, sinh năm 1950; nơi cư trú: Tổ dân phố H, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Bà Phạm Thị H8, sinh năm 1962; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Bà Lê Thị L6, sinh năm 1960, bà Vũ Thị Y2, sinh năm 1957 và bà Vũ Thị B2, sinh năm 1955; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Bà Bạch Thị L7, sinh năm 1955, bà Kiều Thị S3, sinh năm 1973, bà Nguyễn Thị T16, sinh năm 1966 và ông Đặng Thanh Đ2, sinh năm 1945; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

+ Bà Vũ Thị D1, sinh năm 1971, bà Vũ Thị B3, sinh năm 1966, bà Cao Thị N3, sinh năm 1975, bà Lê Thị H9, sinh năm 1972, bà Bùi Thị C3, sinh năm 1965, bà Lê Thị N4, sinh năm 1976 và bà Đào Thị L8, sinh năm 1962; cùng nơi cư trú: Thôn N, xã C, huyện P, Thành phố Hà Nội; đều vắng mặt.

+ Bà Lê Thị T17, sinh năm 1953, bà Vũ Thị H10, sinh năm 1958; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường B, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Ông Đào Văn V2, sinh năm 1948, bà Nguyễn Thị L9, sinh năm 1949, ông Trần Đức U, sinh năm 1959, ông Đào Văn N5, sinh năm 1951 và bà Nguyễn Thị K3, sinh năm 1953; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố N, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; đều vắng mặt.

+ Ông Vũ Bá S4, sinh năm 1951, bà Dương Thị T18, sinh năm 1960, bà Nguyễn Thị L10, sinh năm 1981, bà Vũ Thị D2, sinh năm 1959 và bà Phạm Thị T19, sinh năm 1973; cùng nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; đều vắng mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Anh Nguyễn Cảnh T20, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Chị Vũ Thị Thu H11, sinh năm 1974; nơi cư trú: Tổ dân phố T, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Anh Chu Xuân T21, sinh năm 1980; nơi cư trú: Thôn C, xã Đ, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc; vắng mặt.

+ Anh Lê Đình C4, sinh năm 1973; nơi ĐKKHKT: Tổ A, phường M, thành phố P, tỉnh Hà Nam; nơi ở hiện nay: Tổ dân phố Đ, phường L, thành phố P, tỉnh Hà Nam; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Đức T22, sinh năm 1991; nơi cư trú: Quán T, Hội H12, V, Vĩnh Phúc; vắng mặt.

+ Anh Trần Tuấn M6, sinh năm 1984; nơi cư trú: Số B, K, T, Đ, Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Nguyễn Thành C5, sinh năm 1978; nơi cư trú: Số B, ngõ D, C, phường T, quận T, Thành phố Hà Nội; vắng mặt.

+ Anh Lò Văn T23, sinh ngày 05/05/2003; nơi cư trú: Bản H, xã H, huyện T, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

+ Anh Lại Hoàng L11, sinh 2002; nơi cư trú: Xóm Đ, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

+ Anh Đặng Văn T24, sinh năm 1986; nơi cư trú: Xóm G, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định; vắng mặt.

+ Chị Lê Thị H13, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, thị xã N, tỉnh Yên Bái; vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị H13: Ông Đỗ Viết H14 - Luật sư của Công ty L17, thuộc Đoàn Luật sư Thành phố H; vắng mặt.

* Ngoài ra Toà án còn triệu tập: Ông Đỗ Mạnh Đ3 - Điều tra viên, thuộc Cơ quan Cảnh sát điều tra, Công an thị xã D và ông Phạm Minh T25 - Kiểm sát viên, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên; đều có mặt ngày 16 và 17 tháng 12 năm 2024, vắng mặt khi tuyên án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có ý định lừa đảo chiếm đoạt tiền của người dân thông qua chương trình tri ân khách hàng, Phạm Văn Đ gọi điện nhờ anh Lê Đình C4 liên hệ tìm địa điểm để tổ chức chương trình “TIỆC TRI ÂN KHÁCH HÀNG” trên địa bàn tỉnh Hà Nam, anh C4 đồng ý và gọi điện cho chị Vũ Thị Thu H11 (Quản lý khách sạn B6 thuộc Công ty TNHH B7) để đặt hội trường tại khách sạn B6 thuộc phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

Sau đó, Đ nhờ anh C4 thiết kế mẫu thư mời để mời người dân tới tham dự chương trình với nội dung “*Trân trọng kính mời tới tham dự chương trình TIỆC TRI ÂN KHÁCH HÀNG thời gian từ 7 giờ 30 phút đến 16 giờ. Địa điểm: Nhà hàng B8 - Quốc lộ C, tổ dân phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Nội dung chương trình, sáng: Đón khách, giao lưu văn nghệ, giới thiệu Công ty, dự bữa cơm giao lưu, tri ân và tặng quà; chiều: Đón khách, giao lưu văn nghệ, giới thiệu sản phẩm, tri ân và tặng quà*”.

Phạm Văn Đ liên hệ tìm, thuê người cùng làm với mình gồm: Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Lưu Văn D, Trần Trung K2, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn H4, Hoàng Văn T7, Nguyễn Văn G1, Triệu Như T9, Đoàn Minh Q, Lê Xuân T10, Nguyễn Văn T12, Ngô Văn T13, Đặng Văn T24, Lò Văn T23, Lại Hoàng L11 và Lương Ngọc N6.

Sau đó, Đ cùng các đối tượng thuê khách sạn K5 ở phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc để ở; tại đây, Đ phân công nhiệm vụ cho từng người như sau: Nguyễn Văn H4, Đặng Văn T24, Lương Ngọc N6 là người dẫn chương trình, giới thiệu sản phẩm. Nguyễn Văn G1, Nguyễn Văn T12 là người trông coi, cảnh giới. Lê Xuân T10, Trần Trung K2 mang theo giấy mời, mời người dân tham dự chương trình. Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Lưu Văn D, Trần Trung K2, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Hoàng Văn T7, Triệu Như T9, Đoàn Minh Q, Ngô Văn T13 là người thu tiền, phát thẻ quà tặng, phát sản phẩm, trả lại tiền và thu lại thẻ quà tặng.

Ngoài ra, Q còn có nhiệm vụ theo dõi thu chi, hàng hóa xuất ra và thu tiền đã chiếm đoạt được của người dân nộp về cho Q. Các bị cáo đều biết chương trình của Đ tổ chức là lừa đảo chiếm đoạt tài sản của người dân.

Sáng ngày 06/5/2023, Đ bảo Lê Xuân T10 và Trần Trung K2 mang theo giấy mời đã được in, chuẩn bị sẵn từ trước đi đến địa bàn thị xã D, tỉnh Hà Nam và một số địa bàn giáp danh mời người dân tới tham dự chương trình “TIỆC TRI ÂN KHÁCH HÀNG” tại nhà hàng B8 thuộc phường D, thị xã D. Khi đi Đ dặn T10 và K2 tập trung mời nhóm người là phụ nữ, trung tuổi, làm nội trợ, có thời gian rảnh rỗi, T10 và K2 đồng ý và thực hiện; đồng thời, liên hệ số điện thoại 0931.707.707 với khách sạn B6 để đặt cọc tiền thuê hội trường và các suất ăn theo chương trình.

Tiếp đó, Đ tìm và liên hệ với anh Nguyễn Đức T22 để thuê xe đi làm. Sáng ngày 07/5/2023, do bận công việc nên anh T22 gọi điện nhờ anh Chu Xuân T21 điều khiển xe ô tô loại 16 chỗ, BKS: 29B - 065.66 chở Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn T12, Lê Xuân T10, Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Lưu Văn D, Trần Trung K2, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Hoàng Văn T7, Triệu Như T9, Đoàn Minh Q và Ngô Văn T13.

Nguyễn Văn G1 điều khiển xe ô tô loại 07 chỗ, loại xe Innova, BKS: 29A - 202.55 chở Phạm Văn Đ, còn Q thuê xe tải chở các mặt hàng gia dụng, từ thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc xuống nhà hàng B8 để tổ chức chương trình.

Tại đây, Phạm Văn Đ cùng nhóm của mình đã đón, hướng dẫn những người dân được mời đi lên tầng hai nhà hàng B8 để tham gia chương trình tặng quà tri ân khách hàng. Sau đó Đ cùng Nguyễn Văn H4, Đặng Văn T24 và Lương Ngọc N6 thay nhau giới thiệu các sản phẩm. Để tạo được lòng tin, tránh việc người dân nghi ngờ, trong ngày 07/5/2023 và sáng ngày 08/5/2023, nhóm của Đ chỉ tổ chức giới thiệu sản phẩm là những mặt hàng giá trị thấp (Bột canh, nước xả vải, mâm inox); sau đó, Đ, H4, T24, N6 hỏi người dân có muốn nhận những phần quà là các sản phẩm đó không nếu ai muốn nhận thì chuẩn bị số tiền 50.000 đồng hoặc 100.000 đồng cầm sẵn trên tay để đăng ký được nhận sản phẩm.

Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Lưu Văn D, Trần Trung K2, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Hoàng Văn T7, Triệu Như T9, Đoàn Minh Q, Lê Xuân T10, Nguyễn Văn T12 và Ngô Văn T13 được phân công từ trước sẽ đi đến vị trí từng người dân đăng ký để thu tiền và phát thẻ rồi lấy sản phẩm mà T24, N6, H4 đã giới thiệu phát tặng cho những người này, sau khi phát sản phẩm xong, các đối tượng trả lại số tiền cho những người đăng ký dùng sản phẩm bỏ ra trước đó.

Tiếp theo, nhóm của Đ giới thiệu sản phẩm máy xay sinh tố, sau khi giới thiệu xong hỏi người dân nếu ai dùng sản phẩm thì bỏ ra số tiền 5.000.000 đồng để đăng ký rồi các đối tượng đến chỗ những người dân đã đăng ký thu tiền và phát thẻ và lấy sản phẩm mà các đối tượng đã giới thiệu phát tặng cho những người này, sau khi phát sản phẩm xong, các đối tượng trả lại số tiền 5.000.000 đồng cho những người đăng ký dùng sản phẩm này.

Hành vi trên được nhóm của Đ lặp đi lặp lại nhiều lần, mục đích để cho những người dân tham dự chương trình tin tưởng rằng cứ bỏ ra tiền để đăng ký dùng sản phẩm, sẽ được nhận sản phẩm và được nhận lại số tiền đã bỏ ra đăng ký.

Đến cuối buổi sáng ngày 08/5/2023, khi biết người dân đã tin tưởng, không nghi ngờ gì, Đ cùng nhóm đối tượng trên chuyển sang giới thiệu cho người dân một số sản phẩm có giá trị lớn như: Nồi cơm điện tách đường, máy xay sinh tố, chảo chống dính với nhiều tính năng và có giá trị cao (Nồi cơm điện có giá 4.600.000 đồng, máy xay sinh tố có giá 3.100.000 đồng, chảo chống dính có giá 750.000 đồng) nếu ai muốn nhận được sản phẩm trên thì đăng ký đặt cọc trước số tiền 100.000 đồng đối với nồi cơm điện; 50.000 đồng đối với máy xay sinh tố và chảo chống dính. Ai đặt cọc thì Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Lưu Văn D, Trần Trung K2, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Hoàng Văn T7, Triệu Như T9, Đoàn Minh Q và Ngô Văn T13 sẽ thu tiền đặt cọc và phát thẻ tương ứng với mặt hàng đó. Sau khi thu tiền đặt cọc và phát thẻ xong, các đối tượng mời người dân ở lại ăn cơm trưa miễn phí tại nhà hàng B8; đồng thời, dặn người dân chuẩn bị số tiền còn lại tương ứng với những sản phẩm đã đặt cọc để chiều đến nhận sản phẩm.

Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi thấy người dân có thể đặt cọc tiền đã đến đông đủ, Nguyễn Văn H4 tiếp tục giới thiệu sản phẩm là chảo điện, lọ tinh dầu và nói đây là các sản phẩm chương trình dùng để tặng. Ngay sau đó, H4 hỏi người dân ai đăng ký dùng các sản phẩm là nồi cơm điện, máy xay sinh tố, chảo xào thì chuẩn bị số tiền còn lại tương ứng là 4.500.000 đồng, 3.000.000

đồng, 700.000 đồng cầm sẵn trên tay. Sau đó, Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Lưu Văn D, Trần Trung K2, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Hoàng Văn T7, Triệu Như T9, Đoàn Minh Q và Ngô Văn T13 tiếp tục đi thu toàn bộ số tiền mà những người dân đang cầm và thu lại thẻ đặt cọc buổi sáng; đồng thời, phát thẻ mới. Sau khi thu hết số tiền trên, Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Lưu Văn D, Trần Trung K2, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Hoàng Văn T7, Triệu Như T9, Đoàn Minh Q và Ngô Văn T13 nhanh chóng rời khỏi hội trường xuống xe ô tô bỏ trốn để chiếm đoạt số tiền người dân bỏ ra đã đăng ký dùng sản phẩm nồi cơm điện, máy xay sinh tố và chảo xào. Còn lại một số đối tượng không tham gia thu tiền, ở lại phát sản phẩm và quà tặng cho người dân, mục đích để kéo dài thời gian, tạo điều kiện thuận lợi cho số đối tượng đã thu tiền bỏ trốn.

Khoảng 14 giờ ngày 08/5/2023, Công an thị xã D nhận được trình báo của nhân dân về việc nhóm đối tượng có dấu hiệu lừa đảo chiếm đoạt tài sản tại khách sạn B6 nên tiến hành kiểm tra xác minh. Quá trình kiểm tra, Vũ Đức M, Vũ Văn K và Nguyễn Đình P đã trèo tường bỏ trốn. Lực lượng Công an đã tiến hành truy đuổi thì M, K, P dừng lại rồi khai nhận hành vi phạm tội của mình.

Trong ngày 08/5/2023, với thủ đoạn “Tặng quà tri ân khách hàng”, Phạm Văn Đ và đồng bọn đã chiếm đoạt được tổng số tiền là 206.850.000đ của các bị hại gồm: Bà Lê Thị L6 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Bà Bạch Thị L7 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào, 01 máy xay sinh tố; nhóm Đ thu tổng số tiền 8.450.000 đồng. Bà Lê Thị T17 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Bà Vũ Thị D1 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Ông Kiều Việt H7 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào và 01 máy xay sinh tố; nhóm Đ thu tổng số tiền 8.450.000 đồng. Ông Đào Văn V2 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Bà Vũ Thị Y2 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Bà Vũ Thị B4 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào và 01 máy xay sinh tố; nhóm Đ thu tổng số tiền 8.450.000 đồng. Bà Vũ Thị B5 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 02 chảo xào, 01 máy xay sinh tố; nhóm Đ thu tổng số tiền 9.200.000 đồng. Bà Vũ Thị Hoa đăng K4 dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào, 01 máy xay sinh tố; nhóm Đ thu tổng số tiền 8.400.000 đồng. Bà Đỗ Thị N2 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 máy xay sinh tố, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 8.450.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L9 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Ông Trần Đức U đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào, 01 máy xay sinh tố; nhóm Đ thu tổng số tiền 8.450.000 đồng. Ông Vũ Bá S4 đăng ký dùng 01 nồi cơm; nhóm Đ thu tổng số tiền 4.600.000 đồng. Ông Đào Văn N5 đăng ký dùng 01 nồi cơm; nhóm Đ thu tổng số tiền 4.600.000 đồng. Bà Nguyễn Thị K3 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Bà Kiều Thị S3 đăng ký dùng 01 nồi cơm và 01 máy xay sinh tố; nhóm Đ thu tổng số tiền 7.700.000 đồng. Bà Dương Thị T18 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Bà Nguyễn Thị T16 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào và 01 máy xay sinh tố; nhóm Đ thu tổng số tiền 8.450.000 đồng. Bà Nguyễn Thị

G4 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Bà Phạm Thị H8 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Ông Đặng Thanh Đ2 đăng ký dùng 01 nồi cơm; nhóm Đ thu số tiền 4.600.000 đồng. Bà Nguyễn Thị L10 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Bà Vũ Thị D2 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Bà Cao Thị N3 đăng ký dùng 03 nồi cơm, 03 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 16.050.000 đồng. Bà Phạm Thị T19 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 02 chảo xào và 01 máy xay sinh tố; nhóm Đ thu tổng số tiền 9.200.000 đồng. Bà Lê Thị H9 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào và 01 máy xay sinh tố; nhóm Đ thu tổng số tiền 8.450.000 đồng. Bà Bùi Thị C3 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Bà Lê Thị N4 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào; nhóm Đ thu tổng số tiền 5.350.000 đồng. Bà Đào Thị L8 đăng ký dùng 01 nồi cơm, 01 chảo xào và 01 máy xay sinh tố; nhóm Đ thu tổng số tiền 8.450.000 đồng.

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D đã tiến hành tạm giữ trong người các đối tượng gồm: Vũ Văn K số tiền: 71.340.000 đồng; Vũ Đức M số tiền: 44.850.000 đồng; Nguyễn Đình P số tiền: 56.100.000 đồng.

Ngoài ra Cơ quan Cảnh sát điều tra còn tạm giữ và niêm phong các đồ vật sau: 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG01 - Điện thoại tạm giữ của Lê Xuân T10” bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max; 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG01 - Điện thoại tạm giữ của Nguyễn Văn T12” bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG01” - Điện thoại tạm giữ của Đoàn Minh Q bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; 01 thùng cattong niêm phong dán kín, ký hiệu “Thẻ thu giữ của Đoàn Minh Q”, bên trong có 860 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng, trên có ghi chữ; - 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG01 - Điện thoại của Triệu Như T9” bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max; 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG01 - Điện thoại của Lưu Văn D” bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màn hình cảm ứng, vỏ màu tím; 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG02 - Thẻ của Lưu Văn D”, bên trong có 53 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng; 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG01 - Điện thoại tạm giữ của Trần Trung K2”, bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; 01 hộp giấy cattong niêm phong, ký hiệu “TG01 - Thẻ tạm giữ của Trần Trung K2” bên trong có 184 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng; 01 chứng nhận đăng ký xe ô tô số 388177 mang tên Nguyễn Thành C5; 01 ô tô, nhãn hiệu TOYOTA INNOVA, đeo biển kiểm soát: 29A - 202.55; 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG01 - Điện thoại của Nguyễn Văn G1” bên trong là 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG01 - Điện thoại tạm giữ của Hoàng Văn T7”, bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max; 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG01 - Điện thoại tạm giữ của Trần Văn T6” bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max; 01 hộp cattong niêm phong dán kín, ký hiệu “TG02 - Thẻ thu giữ của Trần Văn T6”, bên trong có

114 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng, trên có ghi chữ; 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG01 - Điện thoại tạm giữ của Đoàn Văn H2” bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung; 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG01 - Điện thoại tạm giữ của Vũ Văn K” bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus; 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG01 - Điện thoại tạm giữ của Vũ Đức M bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X; 01 phong bì niêm phong dán kín, ký hiệu “TG02 - Điện thoại tạm giữ của Vũ Đức M bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 01 phong bì niêm phong dán kín ký hiệu “TG01 - Điện thoại tạm giữ của Nguyễn Đình P”, bên trong là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; 01 thùng carton niêm phong dán kín, ký hiệu “Thẻ thu giữ của K, P, M”, bên trong có 195 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng; 01 xe ô tô, nhãn hiệu FORD TRANSIT, đeo Biển kiểm soát: 29B - 065.66; 01 Chứng nhận đăng ký xe mô tô số 500292 mang tên Trần Tuấn M6 cấp ngày 17/8/2018; 01 Chứng nhận kiểm định số DA4939635, cấp ngày 21/3/2023; 01 Chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe ô tô, số AD22/1003466, cấp ngày 03/10/2022; 111 nồi cơm điện Model MH-088, công suất 900W, dung tích 1,8 lít, mỗi nồi cơm đều được dán giấy niêm phong; 120 chảo điện đa năng loại MH-09, size 32cm, công suất 1300W, điện áp 220V-50Hz, mỗi chảo điện đều được dán giấy niêm phong; 18 máy xay sinh tố Model HA-9545, JAPPAN, dung tích 02 lít, mỗi máy xay đều được dán giấy niêm phong; 10 máy xay sinh tố Model HA-9545, BLENDER, dung tích 02 lít, mỗi máy xay đều được dán giấy niêm phong; 01 bao tải niêm phong, ký hiệu “TG01” - Hộp tinh dầu bị tạm giữ, bên trong có 108 hộp tinh dầu thảo dược Bách Cốt V3, loại 180 ml; 110 chảo xào, kích thước 32cm, trọng lượng 01kg; Thu giữ của Phạm Văn Đ: 01 điện thoại di động Iphone được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG01; 01 điện thoại Samsung được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG02; 08 tờ hóa đơn Giá trị gia tăng được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG03; 01 Giấy xác nhận trả tiền; 01 giấy xác nhận ý kiến của bà con tham dự chương trình và 01 giấy gồm có chữ và số được niêm phong trong phong bì ký hiệu TG04.

Tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn Đ tại phòng 304 khách sạn K5 thuộc phường T, thành phố V, tỉnh Vĩnh Phúc, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã phát hiện thu giữ: 01 máy tính xách tay nhãn hiệu HP; 05 Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6001747437 mang tên Phạm Văn Đ. Mỗi Giấy chứng nhận đều có 02 tờ; 01 Phiếu xuất kho kiểm vận chuyển nội bộ ngày 06 và 07/5/2023, tên Phạm Văn Đ; 01 Hóa đơn bán hàng ngày 07/5/2023.

Về xử lý vật chứng: Quá trình điều tra xác định xe ô tô BKS: 29B - 065.66 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Đức T22 và không phải là tang vật trong vụ án nào khác nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh T22 chiếc xe cùng toàn bộ giấy tờ xe có liên quan.

Đối với xe ô tô INNOVA, BKS: 29A - 202.55 là tài sản hợp pháp của anh Nguyễn Thành C5. Anh C5 cho Nguyễn Văn G1 thuê xe để chạy dịch vụ, anh C5 không biết G1 dùng chiếc xe này vào việc phạm tội nên Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe ô tô cho anh Nguyễn Thành C5.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung thu giữ của Đoàn Minh Q; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone X thu giữ của Vũ Đức M; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung thu giữ của Trần Trung K2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Nguyễn Đức P1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone thu giữ của Lưu Văn D; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung thu giữ của Nguyễn Văn G1 do không liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại điện thoại cho các chủ sở hữu hợp pháp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS max của Lê Xuân T10; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Nguyễn Văn T12; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro Max của Triệu Như T9; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13 Pro max của Hoàng Văn T7; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 11 Pro max của Trần Văn T6; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung của Đoàn Văn H2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7 Plus của Vũ Văn K; 01 thùng cattong bên trong có 860 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng, trên có ghi chữ, thu của Đoàn Minh Q. 01 phong bì bên trong có 53 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng, trên có ghi chữ thu của Lưu Văn D; 01 hộp giấy cattong bên trong có 184 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng, trên có ghi chữ thu của Trần Trung K2; 01 hộp giấy cattong bên trong có 114 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng, trên có ghi chữ thu của Trần Văn T6; 01 thùng catton bên trong có 195 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng, trên có ghi chữ thu của K, P1 và M; Số tiền 172.290.000đ thu giữ trên người Vũ Văn K, Vũ Đức M và Nguyễn Đình P; 111 nồi cơm điện Model MH-088, công suất 900W, dung tích 1,8 lít, mỗi nồi cơm đều được dán giấy niêm phong; 120 chảo điện đa năng loại MH-09, size 32cm, công suất 1300W, điện áp 220V-50Hz, mỗi chảo điện đều được dán giấy niêm phong; 18 máy xay sinh tố Model HA-9545, JAPPAN, dung tích 02 lít, mỗi máy xay đều được dán giấy niêm phong; 10 máy xay sinh tố Model HA- 9545, BLENDER, dung tích 02 lít, mỗi máy xay đều được dán giấy niêm phong; 01 bao tải niêm phong, ký hiệu “TG01” - Hộp tinh dầu bị tạm giữ, bên trong có 108 hộp tinh dầu thảo dược Bách Cốt V3, loại 180 ml; 110 chảo xào, kích thước 32cm, trọng lượng 01kg; 01 laptop nhãn hiệu HP vỏ màu đen, đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, đã qua sử dụng của Phạm Văn Đ; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, màn hình cảm ứng, vỏ màu đen, đã qua sử dụng của Phạm Văn Đ được chuyển đến Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên phục vụ công tác xét xử và thi hành án.

Đối với số hóa đơn, giấy tờ liên quan đến hàng hóa thu giữ của Phạm Văn Đ được đưa vào hồ sơ vụ án.

Kết luận giám định số 423/KLGD ngày 01 tháng 12 năm 2023 của V5 kết luận: Trước, trong khi xảy ra vụ án và tại thời điểm giám định Phạm Văn Đ bị bệnh động kinh toàn thể cơn lớn chưa có biến đổi nhân cách. Tại các thời điểm trên bị cáo đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.

Về trách nhiệm dân sự: Khi Cơ quan Công an đến lập biên bản vụ việc thì các bị cáo đã tự nguyện giao nộp tiền cho Đ để Đ trả lại cho người dân, các bị hại không có yêu cầu đề nghị gì khác.

Về nguồn gốc nôi cơm điện, chảo chống dính, máy xay sinh tố và một số vật chứng khác đã thu giữ, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh đối với các Công ty đã cung cấp hóa đơn cho Đ theo địa chỉ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Quá trình xác minh những địa chỉ này không có Văn phòng Công ty nào hoạt động. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xác minh làm rõ.

Tiến hành xác minh tại Chi cục thuế quận H, Thành phố Hà Nội, Chi cục thuế huyện T, Thành phố Hà Nội, Chi cục thuế quận T, Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp và xác định toàn bộ hóa đơn giá trị gia tăng của các Công ty này cung cấp cho Công ty TNHH T28 của Phạm Văn Đ là hợp pháp.

Về hồ sơ pháp lý đã thu giữ của Công ty TNHH T28, Cơ quan điều tra đã tiến hành làm việc với Trung tâm giám định và chứng nhận hợp chuẩn hợp quy VIETCERT có địa chỉ tại B A, phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng cấp Giấy chứng nhận hợp chuẩn, hợp quy, các quyết định và danh mục hàng hóa kèm theo cấp Giấy chứng nhận đúng quy định, không phải là tài liệu giả của Cơ quan, tổ chức. Do vậy, Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý đối với Phạm Văn Đ về hành vi làm giả, sử dụng giấy tờ giả của cơ quan, tổ chức.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã D, các bị cáo Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn G1, Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Hoàng Văn T7, Triệu Như T9, Đoàn Minh Q, Lê Xuân T10, Lưu Văn D, Trần Trung K2, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn T12 và Ngô Văn T13 đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Bị cáo Phạm Văn Đ chưa thành khẩn khai báo, chưa nhận thức được hành vi phạm tội của mình.

Tại giai đoạn truy tố, bị cáo Đoàn Minh Q, Lưu Văn D, Ngô Văn T13, Nguyễn Văn G1 thay đổi lời khai, cho rằng hành vi của mình không phạm tội.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2024/HS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam đã tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Đ, Đoàn Minh Q, Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Hoàng Văn T7, Nguyễn Văn G1, Triệu Như T9, Lê Xuân T10, Lưu Văn D, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn T12, Ngô Văn T13, Trần Trung K2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 174; điểm a, i khoản 1 Điều 52; Điều 17; 58; 38 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo. Riêng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Phạm Văn Đ, Đoàn Minh Q, Hoàng Văn T7, Nguyễn Văn G1, Triệu Như T9, Lê Xuân T10, Lưu Văn D, Trần Trung K2, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn T12 và Ngô Văn T13. Riêng khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với Ngô Văn T13, Nguyễn Văn G1, Lưu Văn D, Hoàng Văn T7. Riêng điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn T6.

Xử phạt các bị cáo Phạm Văn Đ 10 (Mười) năm tù, Đoàn Minh Q 09 (Chín) năm tù, Vũ Văn K 08 (Tám) năm tù, Vũ Đức M 08 (Tám) năm tù.

năm 06 (Sáu) tháng tù, Nguyễn Đình P 08 (T26) năm 06 (Sáu) tháng tù, Lưu Văn D 08 (T26) năm 06 (Sáu) tháng tù, Trần Văn T6 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù, Đoàn Văn H2 08 (T26) năm tù, Nguyễn Văn H4 08 (T26) năm tù, Hoàng Văn T7 08 (T26) năm tù, Nguyễn Văn G1 08 (T26) năm tù, Triệu Như T9 08 (T26) năm tù, Lê Xuân T10 08 (T26) năm 06 (Sáu) tháng tù, Nguyễn Văn T12 08 (T26) năm tù, Ngô Văn T13 08 (T26) năm tù và Trần Trung K2 08 (T26) năm tù.

Ngoài ra, bản án còn phạt bổ sung đối với bị cáo Phạm Văn Đ, xử lý vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 29 tháng 8 và ngày 04 tháng 9 năm 2024, bị cáo Nguyễn Văn G1 kháng cáo đề nghị cấp phúc thẩm huỷ bản án sơ thẩm; ngày 30 tháng 8 năm 2024, các bị cáo Vũ Đức M, Nguyễn Văn H4, Ngô Văn T13, Lê Xuân T10, Đoàn Minh Q, Nguyễn Đình P đều kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tội danh, hình phạt theo quy định của pháp luật, Vũ Văn K kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm; các ngày 01, 03, 04, 05 tháng 9 năm 2024, các bị cáo Lưu Văn D, Đoàn Văn H2, Trần Văn T6, Phạm Văn Đ, Trần Trung K2 đều kháng cáo toàn bộ bản án và đề nghị cấp phúc thẩm xem xét tội danh, hình phạt theo quy định của pháp luật, Triệu Như T9, Hoàng Văn T7 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, bị cáo Trần Văn T6 kháng cáo đề nghị xem xét lại quá trình truy tố xét xử tại cấp sơ thẩm. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo G1 xin giảm nhẹ hình phạt; các bị cáo khác giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Nam: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo; sửa một phần Bản án sơ thẩm số 105/2024/HS-ST ngày 28/8/2024 của Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên đối với bị cáo G1 và xử phạt Nguyễn Văn G1 từ 07 năm 06 tháng đến 07 năm 09 tháng tù. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của 15 bị cáo còn lại gồm: Đ, Q, K, M, P, D, T6, H2, H4, T7, T9, T10, T12, T13, K2. Về án phí hình sự phúc thẩm các bị cáo không được chấp nhận kháng cáo phải chịu theo quy định của pháp luật; bị cáo G1 không phải chịu.

Những người bào chữa cho các bị cáo Đ, H4, T7, T13, T9, G1, K và T6 đều có chung quan điểm: Hoạt động bán hàng của các bị cáo là quan hệ dân sự, thuận mua, vừa bán, không có yếu tố gian dối; lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với V4 mà bị cáo K cung cấp được trình chiếu tại phiên tòa và các bị cáo đều khai bị ép cung trong giai đoạn điều tra; lời khai của các bị cáo và bị hại có sự mâu thuẫn nhưng chưa được tổ chức đối chất với nhau; chưa đủ căn cứ chứng minh các bị cáo có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ, phân công nhiệm vụ..vv; quá trình điều tra có vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng trong việc thu thập, đánh giá chứng cứ; việc điều tra ở cấp sơ thẩm không đầy đủ mà cấp phúc thẩm không thể bổ sung được. Vì vậy, đề nghị huỷ bản án để điều tra lại theo quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 358 và khoản 1 Điều 360 của Bộ luật Tố tụng hình sự. Luật sư Nguyễn Viết Đ1 bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn G1 cũng đồng tình

với quan điểm của các Luật sư và xác định nếu có căn cứ thì huỷ bản án để điều tra lại theo quy định; đồng thời, khẳng định lời khai của bị cáo G1 là thành khẩn, bị cáo đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự và bố đẻ bị cáo là thương binh loại A, thương tật 81% sức khoẻ nên đề nghị giảm án cho bị cáo ở mức thấp nhất.

Tất cả 16 bị cáo đều nhất trí với quan điểm của các Luật sư và Trợ giúp viên pháp lý. Bị cáo Đ xác định không bàn bạc với các bị cáo khác, bị cáo Q cho rằng mình không bỏ chạy, bị cáo K không bàn bạc với bị cáo Đ; bị cáo G1 nhất trí với lời khai tại Cơ quan điều tra khi có sự tham gia của các Luật sư, các bị khác không tranh luận.

Quan điểm tranh luận của đại diện Viện kiểm sát: Các bị cáo thông qua chương trình tiệc tri ân khách hàng, ban đầu các bị cáo tặng quà miễn phí; sau đó, giới thiệu sản phẩm có giá trị thấp rồi để khách hàng đăng ký sử dụng sản phẩm, phát thẻ, thu tiền, phát sản phẩm và lại trả lại tiền cho khách hàng đã đăng ký sử dụng sản phẩm. Hành vi này được nhóm của Đ lặp đi lặp lại nhiều lần, mục đích để cho những người dân tham dự chương trình tin tưởng rằng cứ bỏ ra tiền để đăng ký dùng sản phẩm là sẽ được nhận sản phẩm và được nhận lại số tiền đã bỏ ra đăng ký. Khi biết được các bị hại tin tưởng, các bị cáo giới thiệu những sản phẩm cuối là nồi cơm điện tách đường, máy xay sinh tố, chảo xào có giá tiền cao để người dân đặt cọc, phát thẻ để chiều 08/5/2023 tiếp tục chương trình. Trước khi mời cơm trưa, nhóm của bị cáo còn nhắc người dân chuẩn bị sẵn tiền còn thiếu đối với các sản phẩm của mình đã đăng ký để nộp tiền.

Đến chiều ngày 08/5/2023, các bị cáo thu hết số tiền còn thiếu mà những người bị hại đã đăng ký sản phẩm; đồng thời thu lại thẻ đặt cọc và phát thẻ mới. Các sản phẩm buổi chiều lần này, nhóm của Đ không trả lại tiền như những lần trước mà chỉ đi phát sản phẩm. Sau khi các bị cáo thu hết số tiền thì nhanh chóng rời khỏi hội trường xuống xe ô tô thì bị lực lượng Công an tiến hành kiểm tra xác minh; riêng Vũ Đức M, Vũ Văn K và Nguyễn Đình P trèo tường, bỏ trốn và bị bắt. Lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra (Trừ bị cáo Đ) là phù hợp với lời khai của các bị hại, phù hợp với lời khai của bị cáo G1 tại phiên tòa, cũng như các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên cấp sơ thẩm kết tội các bị cáo là có căn cứ, không oan sai. Đối với các nội dung tranh luận khác của các Luật sư, các bị cáo đưa ra đều không có căn cứ để chấp nhận nên Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm và không chấp nhận đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại của người bào chữa và các bị cáo.

Những người bào chữa và các bị cáo đều không nhất trí với quan điểm tranh luận của Kiểm sát viên; đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại.

Lời nói sau cùng của các bị cáo đều đề nghị Hội đồng xét xử xem xét huỷ bản án để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về nội dung đơn kháng cáo: Các bị cáo kháng cáo đều trong thời hạn luật định, đơn kháng cáo hợp lệ, thể hiện đầy đủ nội dung quy định tại khoản 2 Điều 332 của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được cấp phúc thẩm xem xét, giải quyết theo quy định.

[2] Về tố tụng, tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn G1 đề nghị Luật sư Nguyễn Viết Đ1 bào chữa cho bị cáo G1 thay Luật sư Lương Danh T27 và Luật sư Đ1 xác định đã được nghiên cứu đầy đủ các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do Luật sư T27 chuyển giao và đề nghị tiếp tục xét xử. Đối với những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án đã được triệu tập hợp lệ; tuy nhiên đều vắng mặt. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về tội danh: Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn G1 thừa nhận lời khai tại Cơ quan điều tra mà Luật sư tham gia là lời khai chính xác với nội dung vụ án, bị cáo G1 xác nhận lời khai tại phiên tòa sơ thẩm là không chính xác; các bị cáo còn lại tiếp tục không thừa nhận hành vi phạm tội và cho rằng các bị cáo bán hàng đều có sự thuận mua, vừa bán giữa các bị cáo với bị hại, không có sự ép buộc, không lừa dối; những người mua hàng đều tự nguyện được thể hiện tại các Video mà bị cáo K đã quay gửi các cơ quan tố tụng. Tuy nhiên, căn cứ vào diễn biến tranh tụng tại các phiên tòa, lời khai của các bị cáo (Trừ bị cáo Đ), lời khai của các bị hại và những người tham gia tố tụng khác, cùng các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận:

Trong các ngày 07 và 08 tháng 5 năm 2023, tại khách sạn B6 thuộc tổ dân phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam; các bị cáo sử dụng thủ đoạn phát thư mời tổ chức “TIỆC TRI ÂN KHÁCH HÀNG”; thông qua chương trình, Phạm Văn Đ, Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Lưu Văn D, Trần Trung K2, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn H4, Hoàng Văn T7, Nguyễn Văn G1, Triệu Như T9, Đoàn Minh Q, Lê Xuân T10, Nguyễn Văn T12 và Ngô Văn T13 cung cấp thông tin gây hiểu nhầm, giấy mời tiệc tri ân nhưng lại bán hàng, bán hàng mà lại trả lại tiền, tạo hiệu ứng đám đông, tạo các lợi ích vật chất, lặp đi lặp lại nhiều lần việc giới thiệu các sản phẩm, ai đăng ký dùng các sản phẩm được giới thiệu sẽ phải nộp một khoản tiền; sau đó, các đối tượng trả lại số tiền cho những người đăng ký, lần lượt từ sản phẩm có giá trị thấp đến sản phẩm có giá trị cao; khi đã tạo được niềm tin cho người dân cứ bỏ tiền đăng ký dùng sản phẩm sẽ được nhận sản phẩm và được trả lại số tiền tương ứng đã bỏ ra; đến những sản phẩm cuối cùng vào chiều ngày 08/5/2023, sau khi thu tiền của những người đăng ký sử dụng sản phẩm theo sự chỉ đạo của Đ các bị cáo lần lượt bỏ trốn để chiếm đoạt tiền của những người đăng ký, được thể hiện qua rất nhiều lời khai tại Cơ quan điều tra của các bị cáo có trong hồ sơ vụ án.

Lời khai ban đầu của các bị cáo (Trừ bị cáo Đ) phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo M, K, P đang trong quá trình cầm tiền bỏ trốn để chiếm đoạt thì bị bắt giữ tại Biên bản vụ việc, phù hợp lời khai nhận của Ngô Văn T13 khi ra đầu thú. Nhóm của Đ đã chiếm đoạt số tiền 206.850.000 đồng của 30 người dân tham dự chương trình. Vì vậy, bản án sơ thẩm đã tuyên bố các bị cáo Phạm Văn Đ, Đoàn Minh Q, Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P,

Hoàng Văn T7, Nguyễn Văn G1, Triệu Như T9, Lê Xuân T10, Lưu Văn D, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn T12, Ngô Văn T13, Trần Trung K2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 174 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn G1, thấy: Tại phiên toà sơ thẩm bị cáo không thừa nhận hành vi phạm; tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Văn G1 thừa nhận hành vi phạm tội như lời khai tại Cơ quan điều tra mà Luật sư đã tham gia; đồng thời, xác định đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự (Có bản sao quyết định), bố đẻ bị cáo là thương binh loại A (81%) thương tật và được tặng thưởng Huân chương, gia đình có công với cách mạng. Đây là những tình tiết mới quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà là phù hợp.

[4] Xét kháng cáo đề nghị huỷ bản án sơ thẩm để điều tra lại của các bị cáo và những người bào chữa, Hội đồng xét xử thấy: Các bị cáo và những người bào chữa đều cho rằng Cơ quan điều tra ép cung, mớm cung và đọc cho các bị cáo viết nội dung khai báo; tuy nhiên, quá trình tranh tụng công khai tại phiên toà sơ thẩm các bị cáo đều không khiếu nại đối với hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát cũng như Điều tra viên, Kiểm sát viên và trước khi ký biên bản lấy lời khai hay biên bản hỏi cung các bị cáo đều tự ghi đã đọc và công nhận đúng. Như vậy, lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra là tự nguyện phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị hại nên không cần thiết phải đổi chất. Sau khi các bị cáo được thay đổi biện pháp ngăn chặn thì các bị cáo đã cùng nhau thay đổi lời khai và cho rằng bị ép cung, mớm cung.

Để tổ chức được chương trình với quy mô lớn và số lượng người tham gia đông như vụ án này, bắt buộc các bị cáo phải phân công công việc cụ thể và có sự gắn kết chặt chẽ; việc phân công chỉ có các bị cáo mới biết và chính các bị cáo đã khai tại Cơ quan điều tra (Trừ bị cáo Đ) nên đây là căn cứ để chứng minh các bị cáo phạm tội có tổ chức.

Đối với V4 mà bị cáo K cung cấp được trình chiếu tại phiên toà nếu chỉ xem nguyên Video thì có thể nhầm tưởng là quan hệ dân sự, thuận mua, vừa bán, không có yếu tố gian dối. Tuy nhiên, lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra và các tình tiết có trong hồ sơ của vụ án thì thấy các bị cáo đã tạo niềm tin bằng cách phát thẻ, thu tiền, phát sản phẩm; sau đó, trả lại tiền. Hành vi này được lặp đi, lặp lại nhiều lần; mục đích để cho người dân tin tưởng rằng cứ bỏ tiền đăng ký sản phẩm là sẽ nhận được sản phẩm và được nhận lại số tiền đã bỏ ra. Trước khi các bị cáo giới thiệu sản phẩm có giá tiền cao, các bị cáo còn tổ chức bữa cơm trưa để tạo niềm tin; sau đó đến chiều ngày 08/5/2023, các bị cáo giới thiệu sản phẩm có giá trị cao thu tiền ngay và không trả lại tiền như các lần trước; sau khi thu được số tiền lên tới 206.850.000 đồng thì lần lượt các bị cáo bỏ trốn. Như vậy, không có căn cứ để xác định đây là quan hệ dân sự thuận mua, vừa bán như quan điểm của các Luật sư.

Từ những phân tích trên, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo huỷ bản án sơ thẩm của các bị cáo cũng như những người bào chữa.

[5] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, cấp sơ thẩm đã áp dụng cho các bị cáo là chính xác. Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo G1 đã khai nhận hành vi phạm tội; xuất trình quyết định đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự, bổ đề bị cáo là thương binh loại A (81%) thương tật và được tặng thưởng Huân chương nên được Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo G1 theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Đoàn Minh Q xuất trình Huân chương kháng chiến của ông Đoàn Minh C6 và bà Phan Thị N7 nhưng không có xác nhận mối quan hệ nên không có căn cứ xem xét. Đối với đơn xin xác nhận gia đình hoàn cảnh khó khăn và người có công với cách mạng của ông Hoàng Văn X1 (Bổ đề Hoàng Văn T7) gửi Ủy ban nhân dân xã P, thị xã N, tỉnh Yên Bái không được chính quyền địa phương nơi cư trú xác nhận nội dung đơn đề nghị là đúng nên không có căn cứ để xem xét tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo Hoàng Văn T7.

[6] Về hình phạt bổ sung: Cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt bổ sung với bị cáo Phạm Văn Đ, còn các bị cáo khác làm thuê cho bị Đ nên không áp dụng hình phạt bổ sung là đúng quy định.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Bản án sơ thẩm xác định các bị hại đã nhận đủ số tiền bị chiếm đoạt và không có ý kiến đề nghị nên không đặt ra giải quyết là có căn cứ, đúng pháp luật.

[8] Đối với vật chứng và các hành vi khác: Cấp sơ thẩm đã xử lý theo đúng trình tự quy định của Bộ luật Hình sự và Bộ luật Tố tụng hình sự nên Hội đồng xét xử giữ nguyên như bản án sơ thẩm.

[9] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của bị cáo Nguyễn Văn G1 được chấp nhận một phần nên bị cáo G1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm. Các bị cáo còn lại phải chịu án theo quy định của pháp luật.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị cấp phúc thẩm không xem xét.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự; không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Phạm Văn Đ, Đoàn Minh Q, Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Lưu Văn D, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn H4, Hoàng Văn T7, Triệu Như T9, Lê Xuân T10, Nguyễn Văn T12, Ngô Văn T13, Trần Trung K2. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355 và điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự; chấp nhận một phần kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Văn G1; sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 105/2024/HSST ngày 28 tháng 8 năm 2024 của Toà án nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam về phần hình phạt đối với bị cáo Nguyễn Văn G1.

Căn cứ điểm a khoản 3 Điều 174; điểm a, i khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 58; Điều 38 của Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo; khoản 5 Điều 174 của Bộ luật Hình sự đối với Đ; điểm b khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với Đ, Q, T7, G1, T9, T10, D, K2, T6, H2, H4, T12 và T13; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối G1; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với T13, D, T7; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự đối với Trần Văn T6. Điều 47 của Bộ luật Hình sự; Điều 106; 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Phạm Văn Đ, Đoàn Minh Q, Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Hoàng Văn T7, Nguyễn Văn G1, Triệu Như T9, Lê Xuân T10, Lưu Văn D, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn T12, Ngô Văn T13 và Trần Trung K2 phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

2. Xử phạt các bị cáo:

- Phạm Văn Đ 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2023.

- Trần Văn T6 09 (Chín) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 09/5/2023.

- Đoàn Minh Q 09 (Chín) năm tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2023 đến ngày 24/8/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Vũ Văn K 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2023 đến ngày 07/12/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Vũ Đức M 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2023 đến ngày 12/7/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Nguyễn Đình P 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2023 đến ngày 12/7/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Lưu Văn D 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2023 đến ngày 12/9/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Lê Xuân T10 08 (Tám) năm 06 (Sáu) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/5/2023 đến ngày 21/12/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Đoàn Văn H2 08 (Tám) năm tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2023 đến ngày 24/8/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Nguyễn Văn H4 08 (Tám) năm tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2023 đến ngày 12/7/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

- Hoàng Văn T7 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/5/2023.
- Triệu Như T9 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/5/2023.
- Nguyễn Văn T12 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 12/5/2023.
- Ngô Văn T13 08 (Tám) năm tù, được trừ đi thời gian tạm giữ từ ngày 15/6/2023 đến ngày 24/6/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.
- Trần Trung K2 08 (Tám) năm tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09/5/2023 đến ngày 12/7/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.
- Nguyễn Văn G1 07 (Bảy) năm 06 (Sáu) tháng tù, được trừ đi thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 10/5/2023 đến ngày 06/11/2023. Thời hạn tù tính từ ngày đi thi hành án.

3. Về hình phạt bổ sung: Phạm Phạm Văn Đ số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về vật chứng và biện pháp tư pháp:

- Tịch thu tiêu huỷ: 01 thùng cattong bên trong có 860 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng, trên có ghi chữ, thu của Đoàn Minh Q; 01 phong bì bên trong có 53 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng, trên có ghi chữ thu của Lưu Văn D; 01 hộp giấy cattong bên trong có 184 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng, trên có ghi chữ thu của Trần Trung K2; 01 hộp giấy cattong bên trong có 114 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng, trên có ghi chữ thu của Trần Văn T6; 01 thùng catton bên trong có 195 thẻ được ép Platic, màu xanh, đỏ, hồng, trên có ghi chữ thu của K, P và M.

- Trả cho bị cáo Phạm Văn Đ số tiền 172.290.000 đồng (Một trăm bảy mươi hai triệu hai trăm chín mươi ngàn đồng).

- Tịch thu nộp ngân sách Nhà nước 111 nồi cơm điện Model MH-088, công suất 900W, dung tích 1,8 lít, mỗi nồi cơm đều được dán giấy niêm phong; 120 chảo điện đa năng loại MH-09, size 32cm, công suất 1300W, điện áp 220V-50Hz, mỗi chảo điện đều được dán giấy niêm phong; 18 máy xay sinh tố Model HA-9545, JAPPAN, dung tích 02 lít, mỗi máy xay đều được dán giấy niêm phong; 10 máy xay sinh tố Model HA- 9545, BLENDER, dung tích 02 lít, mỗi máy xay đều được dán giấy niêm phong; 01 bao tải niêm phong, ký hiệu “TG01” - Hộp tinh dầu bị tạm giữ, bên trong có 108 hộp tinh dầu thảo dược Bách Cốt V3, loại 180 ml; 110 chảo xào, kích thước 32cm, trọng lượng 01kg; 01 điện thoại Iphone 7 Plus thu của Vũ Văn K; 01 điện thoại Samsung và 01 điện thoại Iphone thu của Phạm Văn Đ.

- Trả lại các bị cáo Lê Xuân T10 01 điện thoại Iphone XS Max; Nguyễn Văn T12 01 điện thoại Samsung; Triệu Như T9 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max; Hoàng Văn T7 01 điện thoại Iphone 13 Pro Max; Trần Văn T6 01 điện thoại Iphone 11 Promax; Đoàn Văn H2 01 điện thoại Samsung; Phạm Văn Đ 01 laptop nhãn hiệu HP vỏ màu đen.

- Tịch thu toàn bộ sổ hóa đơn, giấy tờ liên quan đến hàng hóa thu giữ của Phạm Văn Đ để lưu vào hồ sơ vụ án.

- Huỷ bỏ Lệnh phong tỏa tài khoản của Phạm Văn Đ tại các Ngân hàng TMCP N8, Ngân hàng N9, Ngân hàng TMCP Q1 giữ lại số tiền để đảm bảo nghĩa vụ thi hành án dân sự của bị cáo Phạm Văn Đ.

(Tình trạng vật chứng như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã Duy Tiên và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên ngày 02 tháng 02 năm 2024 và Ủy nhiệm chi lập ngày 01 tháng 02 năm 2024).

5. Về án phí

- Buộc các bị cáo Phạm Văn Đ, Đoàn Minh Q, Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Hoàng Văn T7, Nguyễn Văn G1, Triệu Như T9, Lê Xuân T10, Lưu Văn D, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn T12, Ngô Văn T13, Trần Trung K2 mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

- Buộc các bị cáo Phạm Văn Đ, Đoàn Minh Q, Vũ Văn K, Vũ Đức M, Nguyễn Đình P, Hoàng Văn T7, Triệu Như T9, Lê Xuân T10, Lưu Văn D, Trần Văn T6, Đoàn Văn H2, Nguyễn Văn H4, Nguyễn Văn T12, Ngô Văn T13, Trần Trung K2 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

- Bị cáo Nguyễn Văn G1 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Sở Tư pháp tỉnh Hà Nam;
- Phòng HSNV Công an tỉnh Hà Nam;
- Phòng KTNV&THA Tòa án tỉnh Hà Nam;
- TAND, VKSND thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam;
- Cơ quan CSĐT Công an thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên;
- Các bị cáo, người bào chữa, các đương sự;
- UBND cấp xã nơi các bị cáo cư trú;
- Tòa HS, bộ phận HCTP, lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Đức Thủy

